

**TÓM TẮT DỰ THẢO ĐỀ ÁN
CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP**

MỤC LỤC

Phần I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	3
1. Sự cần thiết xây dựng đề án.....	3
2. Mục tiêu của Đề án	3
Phần II NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN.....	4
1. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP.....	5
1.1 Chức năng và nhiệm vụ của Hệ thống CSDL về MBTSTN.....	5
1.2 Lựa chọn mô hình dữ liệu.....	6
1.2.4 Lựa chọn mô hình hệ thống và quản lý dữ liệu	8
2. KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ MBTSTN	4
2.1 Kiến nghị chung về cơ sở pháp lý.....	4
2.2 Đề xuất thành lập cơ quan chuyên trách về công tác MBTSTN	11
2.3 Xác định mục tiêu cụ thể của công tác MBTSTN	4

Phần I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng đề án

Sau gần 10 năm thực hiện quy định MBTSTN, đã có hơn 5,5 triệu lượt người thực hiện kê khai TSTN. Việc thực hiện kê khai TSTN từng bước đi vào nề nếp; bước đầu đã hình thành dữ liệu về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, tác động của biện pháp kê khai TSTN đối với công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng là rất thấp.

Các quy định pháp luật về MBTSTN sau nhiều lần sửa đổi, bổ sung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của Đảng, cũng như yêu cầu thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; trình tự, thủ tục thực hiện còn rườm rà, đặc biệt quản lý, lưu trữ bản kê khai phân tán không kiểm soát được thông tin kê khai. Việc triển khai, thực hiện còn bị động, thủ công, thiếu thống nhất, tốn nhiều nguồn lực cho cả các cơ quan quản lý công tác kê khai cũng như người có nghĩa vụ phải kê khai mà chưa giúp cơ quan nhà nước kiểm soát được tính trung thực của bản kê khai.

Nhằm tăng cường việc thực hiện kê khai tài sản và kiểm soát tài sản, thu nhập, ngày 03/01/2014 Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 33/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai tài sản, thu nhập trong đó yêu cầu phải *“Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản của người có chức vụ, quyền hạn; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn”*. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Văn bản số 4459/VPCP-V.I ngày 17/6/2014 của Văn phòng Chính phủ giao Thanh tra Chính phủ nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về minh bạch tài sản, thu nhập.

Từ thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và yêu cầu của Đảng cần thiết phải xây dựng CSDL về MBTSTN trên cơ sở hoàn thiện chính sách, pháp luật về MBTSTN, kiểm soát TSTN của cán bộ, công chức, viên chức.

2. Mục tiêu của Đề án

Xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về MBTSTN đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của việc quản lý xung đột lợi ích và làm giàu bất hợp pháp góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng hiệu quả. Đề án hướng tới 2 mục tiêu căn bản sau:

2.1. Kiến nghị sửa đổi các quy trình quản lý về MBTSTN

Đưa ra khuyến nghị để sửa đổi chính sách, pháp luật về MBTSTN; tập trung vào các vấn đề: hoàn thiện các quy định chung của pháp luật liên quan đến quy

trình quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng bản KKTSTN; Sửa đổi các thông tin kê khai tài sản; quy trình công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai.

2.2. Đề xuất mô hình tổ chức CSDL về MBTSTN

Đề xuất mô hình tổ chức quản lý CSDL về MBTSTN quốc gia đảm bảo sự thống nhất, thông suốt trong phạm vi cả nước; đề xuất các phương án ứng dụng CNTT, tin học hóa hệ thống MBTSTN.

Phần II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về MBTSTN

1.1 Xác định đúng vị trí, mục tiêu của công tác MBTSTN

Để phòng, chống tham nhũng, Nhà nước phải kiểm soát được tài sản và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thông qua hệ thống các biện pháp như đăng ký sở hữu, sử dụng tài sản; kiểm soát các giao dịch về tài sản, thu nhập và xây dựng dữ liệu tập trung về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. MBTSTN (gồm kê khai, công khai, giải trình, xác minh tài sản, thu nhập) của cán bộ, công chức, viên chức nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về tài sản, thu nhập và kết nối với các biện pháp khác để kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Vì thế MBTSTN giữ vị trí **khâu trung tâm quan trọng** trong hệ thống kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

Quy định hiện hành về mục tiêu của biện pháp MBTSTN là phục vụ công tác cán bộ. Quy định như trên quá bao quát, chưa cụ thể, không rõ ràng. Trên thế giới có thể có 3 loại mục tiêu để hướng tới là (1) phát hiện, ngăn ngừa xung đột lợi ích (2) phát hiện, ngăn ngừa làm giàu bất chính và (3) vừa phát hiện, ngăn ngừa xung đột lợi ích và làm giàu bất chính.

Kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về MBTSTN theo mục tiêu là phát hiện, ngăn ngừa các xung đột lợi ích và làm giàu bất chính. Việc xác định mục tiêu kép này phù hợp với đặc điểm hành vi tham nhũng tinh vi và tình hình diễn biến phức tạp như hiện nay. Bên cạnh đó, việc áp dụng mục tiêu kép là xu hướng chung và được nhiều quốc gia trên thế giới triển khai thực hiện.

1.2 Kiến nghị chung về cơ sở pháp lý

Phân tích các quy định pháp luật về MBTSTN hiện hành có nhiều bất cập cần phải sửa đổi. Đề án kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về MBTSTN với các nội dung cụ thể:

- Quy định cụ thể hơn, đầy đủ hơn thông tin cá nhân của người có nghĩa vụ kê khai và tài sản, thu nhập phải kê khai. Quy định này cần phải thay đổi do xác định rõ hơn, cụ thể hơn mục tiêu của biện pháp MBTSTN.

- Quy định mở rộng phạm vi và thay đổi hình thức công khai thông tin tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Kiến nghị này phù hợp với yêu cầu của Đảng về công khai đến nơi cư trú và phù hợp với quyền công dân được quy định tại Hiến pháp năm 2013.

- Nhằm nâng cao tính chủ động trong việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức cần quy định việc xác minh tài sản, thu nhập là yêu cầu bắt buộc không có điều kiện. Quy định này mới đảm bảo yêu cầu trung thực của bản kê khai và thực hiện được sự kết nối hệ thống các biện pháp kiểm soát tài sản, thu nhập đối với người có chức vụ, quyền hạn.

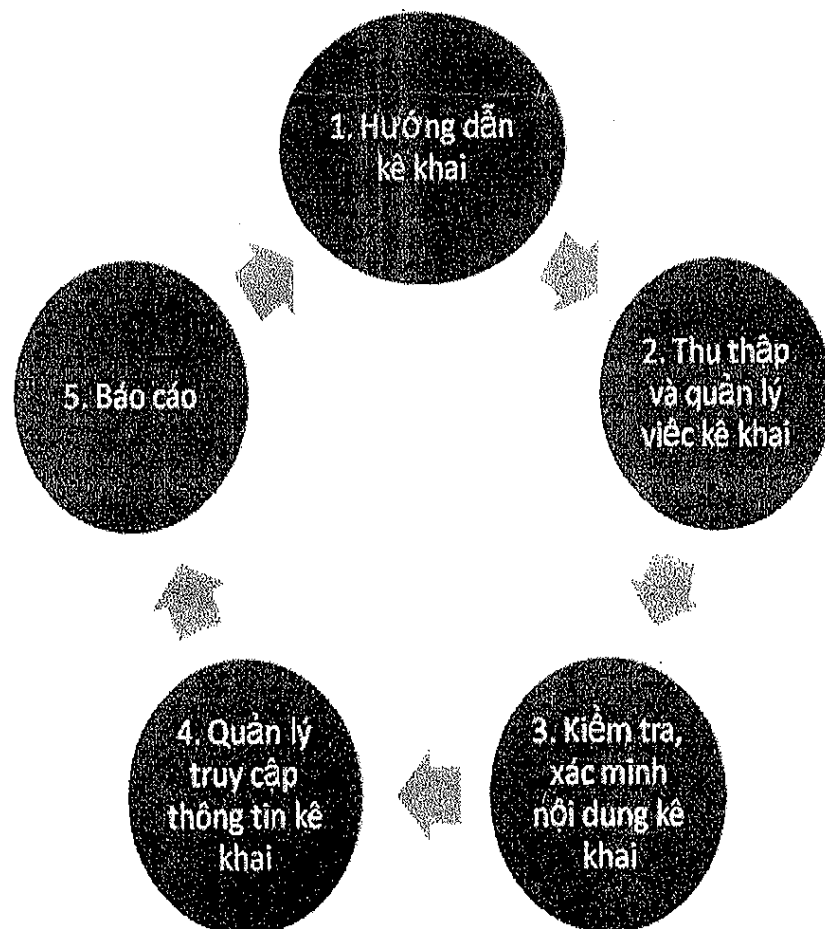
- Quy định chế tài xử lý các vi phạm về MBTSTN, thu hồi tài sản mà cán bộ, công chức, viên chức có được mà không giải trình được hoặc giải trình không thỏa đáng.

- Quy định áp dụng Công nghệ tin học trong quản lý về MBTSTN

2. Xây dựng hệ thống CSDL về MBTSTN

2.1 Chức năng và nhiệm vụ của Hệ thống CSDL về MBTSTN

Bất kỳ Hệ thống CSDL về MBTSTN sẽ giải quyết một số vấn đề sau:



- Chức năng hướng dẫn kê khai: Là chức năng mà hệ thống đảm bảo cho mọi đối tượng có liên quan tuân thủ đầy đủ, thống nhất, đúng thẩm quyền trong cung cấp, khai thác thông tin như Người có nghĩa vụ kê khai thực hiện kê khai một cách thống nhất, đầy đủ, rõ ràng các thông tin về tài sản, thu nhập phải kê khai. Chức năng này thể hiện ra thành các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn ...

- Thu nhập và quản lý việc kê khai: Hệ thống thu thập thông tin kê khai, hệ thống hóa các thông tin kê khai của người có nghĩa vụ kê khai theo từng người kê khai, và phân loại theo các nhóm theo yêu cầu quản lý.

- Kiểm tra xác minh nội dung kê khai: Thông tin kê khai về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức được tiến hành các nghiệp vụ đối chiếu, so sánh, kiểm tra, đính chính để đảm bảo thông tin đưa vào lưu trữ khai thác là sự thật

- Quản lý truy cập thông tin kê khai: Hệ thống đảm bảo việc cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức đúng yêu cầu về thời gian, lượng thông tin, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo: Hệ thống sẽ xây dựng báo cáo thường niên, hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền

2.2 Lựa chọn mô hình dữ liệu

Hiện nay, việc tổ chức quản lý và khai thác CSDL về MBTSTN trên thế giới được tổ chức theo 3 mô hình. dưới đây:

- Mô hình phân tán dữ liệu
- Mô hình tập trung dữ liệu
- Mô hình tổng hợp

2.2.1 Mô hình dữ liệu phân tán

- Bản kê khai được lưu trữ, quản lý tại đơn vị cơ sở (thông tin về tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức chỉ lưu và xử lý tại đơn vị).

- Các đơn vị cơ sở báo cáo thông tin tổng hợp về tình hình thực hiện quy định MBTSTN của đơn vị cho cơ quan tổng hợp. Cơ quan chức năng không nắm được thông tin về tài sản, thu nhập của các đối tượng kê khai.

Ưu điểm: Không đòi hỏi tập trung nguồn lực cho việc kê khai và quản lý bản kê khai.

Nhược điểm: Việc kê khai không thống nhất; trình tự thủ tục kê khai, công khai, xác minh rườm rà, phức tạp; Việc hướng dẫn kê khai, kiểm tra, xác minh tính trung thực của bản kê khai thiếu chủ động và không chuyên nghiệp; Việc công khai bản kê khai rất hình thức.

Mô hình này đang áp dụng ở Việt Nam trong thời gian vừa qua, hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng rất thấp.

2.2.2 Mô hình dữ liệu tập trung

- Toàn bộ thông tin về TSTN của CBCCVC được thiết lập, và lưu tại một đầu mối duy nhất.

- Sau khi CBCCVC hoàn thiện kê khai, Cơ quan quản lý bản kê khai sẽ rà soát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định đảm bảo thông tin kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng trong quá trình tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin của bản kê khai.

- Cơ quan này có trách nhiệm cung cấp thông tin TSTN khi có yêu cầu của tổ chức và cá nhân có thẩm quyền phục vụ công tác PCTN.

Ưu điểm: Thông tin về TSTN của cán bộ, công chức được quản lý bởi một đầu mối, tính tập trung, thống nhất cao. Việc hướng dẫn, kiểm tra, xác minh được thực hiện dễ dàng mang tính chuyên nghiệp và tuân thủ pháp luật cao.

Nhược điểm: Mô hình này đòi hỏi tập trung nguồn lực ở trung ương cao; Trong trường hợp, hệ thống phải quản lý số lượng lớn bản kê khai sẽ gặp khó khăn về nguồn lực. Tuy nhiên, công nghệ thông tin là giải pháp rất tốt để khắc phục những hạn chế này.

Nhiều quốc gia đã áp dụng mô hình này, tác dụng phát hiện, xử lý xung đột lợi ích và tài sản bất minh trong phòng, chống tham nhũng rất tốt. Indonesia là một điển hình.

2.2.3 Mô hình dữ liệu kết hợp

Nhằm tận dụng lợi thế và hạn chế của mỗi mô hình nêu trên, trong các quốc gia có quy mô lớn và phân cấp quản lý mạnh có thể áp dụng mô hình kết hợp. Thực chất mô hình kết hợp là mô hình tập trung có phân cấp. Theo đó, Mô hình này bao gồm một cơ quan chuyên trách ở trung ương là đầu mối quốc gia và các cơ quan chuyên trách cấp tỉnh.

- Thông tin về TSTN của đối tượng kê khai thuộc quản lý của cấp tỉnh, huyện, xã được hướng dẫn, kiểm tra, lưu trữ và xử lý tại cơ quan chuyên trách cấp tỉnh.

- Thông tin về TSTN của đối tượng kê khai thuộc các cơ quan trung ương được hướng dẫn, kiểm tra, lưu trữ và xử lý tại cơ quan chuyên trách cấp trung ương.

- Mọi thông tin về TSTN của cán bộ, công chức sau khi được thu thập và kiểm tra đều được tích hợp về cơ quan chuyên trách cấp trung ương.

- Cơ quan chuyên trách cấp tỉnh có thể được cơ quan cấp trung ương ủy quyền xác minh TSTN trong trường hợp cụ thể.

- Các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu cung cấp thông tin về MBTSTN (Các cơ quan Đảng, cơ quan kiểm tra...) sẽ thực hiện truy cập vào hệ thống tích hợp để khai thác thông tin theo thẩm quyền.

Đặc trưng của hệ thống CSDL kết hợp:

- Mọi bản kê sau khi được số hóa sẽ lưu tại đơn vị quản lý về MBTSTN cấp tỉnh (đối với người kê khai là các đơn vị, cơ quan thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; các sở, ban, ngành; tổ chức chính trị-xã hội cùng cấp, DNNN...) và lưu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu theo nguyên tắc: dữ liệu được lưu giữ tập trung tại trung tâm dữ liệu cấp tỉnh; dữ liệu này sẽ được đồng bộ tại trung tâm dữ liệu quốc gia về kê khai, minh bạch tài sản.

- Dữ liệu về MBTSTN của các tỉnh và các bộ ngành được tích hợp tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Việc khai thác, lưu trữ được thực hiện theo những quy trình nhất định được pháp luật quy định.

2.2.4 Lựa chọn mô hình CSDL MBTSTN cho Việt Nam

Đánh giá ba mô hình nêu trên cho thấy:

- Mô hình dữ liệu phân tán như hiện nay đang áp dụng ở nước ta không hiệu quả không thể đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, thời gian tiếp theo không nên duy trì.

- Mô hình CSDL MBTSTN tập trung là mô hình lý tưởng đáp ứng tối đa hiệu quả của biện pháp kiểm soát tài sản thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác phòng, chống tham nhũng ở nước ta. Tuy nhiên, sẽ phát sinh khó khăn về nguồn lực nếu như thực hiện yêu cầu của Đảng là “tiến tới tất cả cán bộ, đảng viên phải kê khai tài sản” (sẽ có khoảng 4-5 triệu bản kê khai mỗi năm).

- Mô hình dữ liệu kết hợp theo đó Hệ thống cơ quan quản lý MBTSTN sẽ gồm 2 cấp: Trung ương và cấp tỉnh (không thành lập ở cấp huyện). Trong đó Cơ quan MBTSTN trung ương sẽ quản lý dữ liệu quốc gia, trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, xác minh, quản lý dữ liệu đối với các cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan trung ương quản lý. Cơ quan MBTSTN cấp tỉnh trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, xác minh, quản lý dữ liệu đối với các cán bộ, công chức, viên chức do các cơ quan tỉnh, huyện, xã thuộc địa bàn quản lý và thực hiện một số nội dung do cơ quan MBTSTN trung ương ủy quyền.

Sau khi nghiên cứu so sánh ưu điểm, nhược điểm của 3 mô hình hệ thống CSDL về MBTS nói trên, tham khảo một số điển hình tốt trên thế giới và số liệu về tình hình thực hiện ở Việt Nam trong những năm qua, Đề án kiến nghị lựa chọn mô hình kết hợp với một số lý do sau:

Thứ nhất: Theo yêu cầu của Đảng về việc mở rộng diện đối tượng phải kê khai và mở rộng phạm vi công khai bản kê khai của cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy việc áp dụng mô hình quản lý tập trung là không phù hợp, tạo áp lực lớn cho hệ thống. Mô hình phân tán sẽ gây khó khăn trong quá trình thu thập, xác minh, quản lý dữ liệu về bản kê khai không thể đáp ứng yêu cầu. Trong trường hợp này, mô hình kết hợp áp dụng sẽ phù hợp với phân cấp hành chính cấp trung ương và cấp tỉnh ở Việt Nam.

Thứ hai: Việc áp dụng mô hình kết hợp vừa dễ quản lý toàn bộ thông tin về MBTSTN cán bộ, công chức, viên chức vừa tạo điều kiện để bảo mật, an toàn dữ liệu. Việc phân cấp quản lý dữ liệu ở cấp tỉnh sẽ tạo điều kiện để cấp tỉnh quản lý, khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý như giám sát việc kê khai, quản lý xác minh nội dung bản kê khai, quản lý tiếp cận thông tin MBTSTN.

Thứ ba: Việc áp dụng mô hình như trên sẽ tận dụng được cơ sở hạ tầng hiện có.

2.2.5 Về việc lựa chọn cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý MBTSTN.

Việc thành lập một hệ thống mới cơ quan quản lý tập trung về MBTSTN hiện chưa phù hợp với xu hướng cải cách bộ máy hành chính của nước ta hiện nay. Trường hợp cơ quan chống tham nhũng độc lập được xây dựng thì cơ quan này sẽ đảm nhận nhiệm vụ quản lý tập trung về MBTSTN.

Việc không thành lập cơ quan mới, thì cần phải cân nhắc trao cho các cơ quan hiện hữu. Đề án phân tích, đánh giá hệ thống hiện tại và khuyến nghị như sau:

- Theo quy định hiện hành có 3 hệ thống các cơ quan lưu trữ, quản lý bản kê khai tài sản thu nhập gồm:

i. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trao quyền quản lý cán bộ lưu trữ, quản lý toàn bộ bản kê khai của cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý. Dữ liệu ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị phân tán, rời rạc, không liên thông với nhau.

ii. Các cơ quan tổ chức của Đảng ở Trung ương, tỉnh, huyện quản lý các bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo phân cấp.

iii. Các cơ quan Kiểm tra Đảng ở Trung ương, tỉnh, huyện quản lý các bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo phân cấp.

iv. Các cơ quan nhà nước (Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh, Thanh tra huyện) lưu giữ bản kê khai của các cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện cấp ủy quản lý theo phân cấp từ 2007 - 2010. Sau đó không lưu trữ, quản lý theo Nghị định 68/2011/NĐ-CP.

Sau khi phân tích từ hệ thống tổ chức, chức năng của mỗi cơ quan, Đề án đề xuất trao nhiệm vụ quản lý MBTSTN cho Thanh tra Chính phủ và Thanh tra tỉnh vì các lý do sau:

- Các cơ quan thanh tra là cơ quan nhà nước được trao nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thanh tra; Các cán bộ thanh tra được đào tạo nghiệp vụ thanh tra và có trao quyền thanh tra sẽ thuận lợi hơn khi tiến hành các hoạt động xác minh tài sản, thu nhập.

- Hiện nay, Thanh tra Chính phủ đã xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu có kết nối hệ thống tới toàn bộ các cơ quan thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thanh tra cấp tỉnh có trung tâm tích hợp dữ liệu của mình đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống.

- Sử dụng hệ thống các cơ quan thanh tra vào hoạt động sẽ không phát sinh thêm cơ quan mới quản lý về công tác MBTSTN theo đó Thanh tra nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đơn vị quản lý hệ cơ sở dữ liệu ở cấp tỉnh; Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc quản lý thông tin CSDL về KKMTTS thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức trên toàn quốc.

3. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, Đề án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền

3.1 Kỳ sửa đổi Luật Phòng chống tham nhũng năm 2016-2017 sẽ bổ sung, sửa đổi chính sách, pháp luật về kiểm soát tài sản, minh bạch tài sản của cán bộ, công chức, viên chức như các kiến nghị nêu tại mục 1, phần II Nội dung đề án.

3.2 Đề xuất thành lập cơ quan chuyên trách về công tác MBTSTN

Quy định cơ quan chuyên trách thực hiện công tác MBTSTN nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của việc hướng dẫn kê khai, quản lý bản kê khai, xác minh tài sản, thu nhập, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hoặc thực hiện công khai nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật về MBTSTN. Đề án đề xuất thành lập cơ quan chuyên trách về MBTSTN theo hướng sử dụng mô hình CSDL kết hợp với các mục đích chủ yếu như sau:

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về MBTSTN; tăng cường tính chủ động, chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo công tác MBTSTN trong phạm vi toàn quốc.

- Là cơ quan đầu mối trong việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định pháp luật về MBTSTN.

- Chủ động rà soát, xác minh, kiến nghị xử lý các vi phạm trong MBTSTN theo hướng kiểm soát nguồn gốc, dòng tài sản, thu nhập bất hợp pháp.

- Phối kết hợp với các cơ quan khác như cơ quan thuế, ngân hàng, điều tra, xét xử, thi hành án trong việc phát hiện tài sản bất minh, góp phần thu hồi tài sản tham nhũng.

3.3 Giao Thanh tra Chính phủ chủ trì xây dựng Dự án quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về MBTSTN./.

Một số nội dung cần xin ý kiến

Ban soạn thảo đề án mong muốn nhận được các ý kiến đóng góp của các cá nhân, cơ quan, đơn vị về các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Sự cần thiết xây dựng CSDL về MBTSTN trong tình hình hiện nay ở nước ta ?

2. Sự lựa chọn mô hình tổ chức hệ thống CSDL về MBTSTN ?

3. Sự lựa chọn về cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý MBTSTN cho các cơ quan Thanh tra Chính phủ và các cơ quan thanh tra cấp tỉnh ?

4. Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật về MBTSTN ?

5. Những vấn đề khác phát sinh nếu thực hiện việc xây dựng CSDL về MBTSTN tập trung như đề án nêu ?